

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~1258~~/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày ~~17~~ tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 1254/QĐ-TTg ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch hành động thúc đẩy Cơ chế một cửa quốc gia, Cơ chế một cửa ASEAN, cải cách công tác kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và tạo thuận lợi thương mại giai đoạn 2018 - 2020

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Hải quan ngày 30 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Hiệp định và Nghị định thư về xây dựng và thực hiện Cơ chế một cửa ASEAN đã được Chính phủ Việt Nam phê duyệt tại văn bản số 1621/TTg-QHQT ngày 30 tháng 10 năm 2007;

Căn cứ Nghị định thư về khung pháp lý để thực hiện Cơ chế một cửa ASEAN ký ngày 04 tháng 9 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 61/NQ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2015 về việc ký Nghị định thư khung pháp lý Cơ chế một cửa ASEAN;

Căn cứ Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về Thương mại điện tử;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về quy định thực hiện thủ tục hành chính theo Cơ chế một cửa quốc gia, Cơ chế một cửa ASEAN và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2020;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Điều 1 Quyết định số 1254/QĐ-TTg ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch hành động thúc đẩy Cơ chế một cửa quốc gia, Cơ chế một cửa ASEAN, cải cách công tác kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và tạo thuận lợi thương mại giai đoạn 2018 - 2020 như sau:

1. Sửa cụm từ “Quý II năm 2019” tại điểm a khoản 3 Mục III thành cụm từ “Quý IV năm 2020”.

2. Sửa cụm từ “Quý IV năm 2018” tại gạch đầu dòng thứ 4 điểm c khoản 3 Mục III thành “Quý IV năm 2020”.

3. Sửa đổi, bổ sung gạch đầu dòng thứ 6 điểm c khoản 3 Mục III như sau:

“- Năm 2020, các bộ, ngành phải hoàn thành việc rà soát, xây dựng văn bản quy phạm pháp luật về quản lý, kiểm tra chuyên ngành theo hướng: Áp dụng đầy đủ nguyên tắc quản lý rủi ro trên cơ sở đánh giá mức độ tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp; thực hiện công nhận lẫn nhau; ưu tiên và tạo thuận lợi đối với các mặt hàng khuyến khích xuất khẩu, hàng hóa nhập khẩu phục vụ sản xuất mà trong nước chưa sản xuất được; giải quyết các nội dung quy định gây vướng mắc trong quá trình thực hiện”.

4. Sửa cụm từ “Năm 2018 và năm 2019” tại điểm d khoản 3 Mục III thành “Năm 2020”.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 1254/QĐ-TTg như sau:

1. Sửa đổi các thủ tục hành chính trong Danh mục thủ tục hành chính triển khai qua Cơ chế một cửa quốc gia giai đoạn 2018 - 2020 được ban hành kèm theo Quyết định số 1254/QĐ-TTg tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này như sau:

a) Sửa đổi tên của 03 thủ tục hành chính, cụ thể: 02 thủ tục hành chính của Bộ Y tế, 01 thủ tục hành chính của Bộ Công Thương;

b) Sửa đổi thời gian thực hiện của 08 thủ tục hành chính của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

c) Gộp thành 02 thủ tục hành chính từ các thủ tục hành chính khác của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Chi tiết tại Mục I Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Bổ sung tổng số 44 thủ tục hành chính, cụ thể: 06 thủ tục hành chính của Bộ Công Thương; 01 thủ tục hành chính của Bộ Giao thông vận tải; 12 thủ tục hành chính của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; 06 thủ tục hành chính của Bộ Quốc phòng; 03 thủ tục hành chính của Bộ Tài nguyên và Môi trường; 15 thủ tục hành chính của Bộ Y tế; 01 thủ tục hành chính của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội.

Chi tiết tại Mục II Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này.

3. Đưa ra khỏi Quyết định số 1254/QĐ-TTg tổng số 38 thủ tục hành chính, cụ thể: 01 thủ tục hành chính của Bộ Công Thương; 04 thủ tục hành chính của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; 14 thủ tục hành chính của Bộ Quốc phòng; 08 thủ tục hành chính của Bộ Tài nguyên và Môi trường; 02 thủ tục hành chính của Bộ Công an; 01 thủ tục hành chính của Bộ Y tế; 03 thủ tục hành chính của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; 05 thủ tục hành chính của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Chi tiết tại Mục III Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này.

4. Thay thế các danh mục sau tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 1254/QĐ-TTg, cụ thể:

a) Thay thế Danh mục văn bản quy phạm pháp luật về quản lý, kiểm tra chuyên ngành phải sửa đổi, bổ sung bằng Danh mục văn bản quy phạm pháp luật về quản lý, kiểm tra chuyên ngành phải sửa đổi, bổ sung tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này;

b) Thay thế Nhóm hàng hóa các bộ, ngành phải ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn bằng Nhóm hàng hóa các bộ, ngành phải ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn tại Phụ lục III ban hành kèm theo Quyết định này;

c) Thay thế Danh mục hàng hóa xuất nhập khẩu thuộc diện quản lý, kiểm tra chuyên ngành phải ban hành kèm theo mã số HS bằng Danh mục hàng hóa xuất nhập khẩu thuộc diện quản lý, kiểm tra chuyên ngành phải ban hành kèm theo mã số HS tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Ủy ban chỉ đạo quốc gia về Cơ chế một cửa ASEAN, Cơ chế một cửa quốc gia và tạo thuận lợi thương mại, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2b). 440



Nguyễn Xuân Phúc



Phụ lục I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRIỂN KHAI
QUỐC CHẾ MỘT CỬA QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2018 - 2020
(Kèm theo Quyết định số 1258/QĐ-TTg
ngày 19 tháng 8 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI

STT	Tên thủ tục hành chính sửa đổi	Tên thủ tục hành chính tại Quyết định số 1254/QĐ-TTg	Thời gian điều chỉnh	Thời gian thực hiện tại Quyết định số 1254/QĐ-TTg	Ghi chú
I. BỘ Y TẾ					
1	Cấp phép xuất khẩu thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất gây nghiện, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất hướng thần, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất để tham gia trưng bày tại triển lãm, hội chợ	Cấp giấy phép xuất khẩu thuốc phải kiểm soát đặc biệt để tham gia trưng bày tại triển lãm, hội chợ		12/2018	Sửa đổi tên thủ tục

2	Cấp phép nhập khẩu thuốc đáp ứng nhu cầu điều trị đặc biệt	Cấp giấy phép nhập khẩu thuốc sử dụng cho mục đích cấp cứu, chống độc mà không có cùng hoạt chất và đường dùng với thuốc đang lưu hành tại Việt Nam, vắc xin dùng cho một số trường hợp đặc biệt với số lượng sử dụng hạn chế do Bộ trưởng Bộ Y tế quyết định trên cơ sở có dữ liệu đạt yêu cầu về chất lượng, hiệu quả, độ an toàn	2019 - 2020	2020	Sửa đổi tên thủ tục
II. BỘ CÔNG THƯƠNG					
1	Cấp, sửa đổi, bổ sung, cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với sản phẩm, hàng hóa xuất khẩu	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do đối với sản phẩm, hàng hóa xuất khẩu và nhập khẩu thuộc quyền quản lý của Bộ Công Thương	2019 - 2020	2020	Sửa đổi tên thủ tục
III. BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN					
1	Đăng ký kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển cửa khẩu, kho ngoại quan, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam		2019 - 2020	2018	Điều chỉnh về thời gian thực hiện

2	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển cửa khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam		2019 - 2020	2018	Điều chỉnh về thời gian thực hiện
3	Cấp Giấy phép nhập khẩu thuốc thú y, nguyên liệu làm thuốc thú y		2019 - 2020	2018	Điều chỉnh về thời gian thực hiện
4	Đăng ký kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển cửa khẩu, kho ngoại quan, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam		2020	2019	Điều chỉnh về thời gian thực hiện
5	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển cửa khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam		2020	2019	Điều chỉnh về thời gian thực hiện
6	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu không dùng làm thực phẩm.		2020	2019	Điều chỉnh về thời gian thực hiện

7	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản nhập, xuất kho ngoại quan		2020	2019	Điều chỉnh về thời gian thực hiện
8	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn nhập, xuất kho ngoại quan		2020	2018	Điều chỉnh về thời gian thực hiện
9	Miễn giảm kiểm tra chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu		2020		Gộp thủ tục
10	Cấp phép nhập khẩu giống cây trồng chưa được cấp quyết định công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành phục vụ nghiên cứu, khảo nghiệm, quảng cáo, triển lãm, trao đổi quốc tế		2020		Gộp thủ tục

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC BỔ SUNG

STT	Tên thủ tục hành chính bổ sung	Thời gian thực hiện
I. BỘ CÔNG THƯƠNG		
1	Sửa đổi, bổ sung, cấp lại Giấy phép tạm nhập, tái xuất; Giấy phép tạm xuất, tái nhập	2020
2	Thủ tục khai báo nhập khẩu đối với hàng hóa bị điều tra áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại	2020

3	Thủ tục miễn trừ áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại	2020
4	Thủ tục bổ sung lượng hàng hóa được miễn trừ áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại	2020
5	Cấp mã số nhà sản xuất (MID) hàng dệt may xuất khẩu sang Hoa Kỳ	2020
6	Cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp lại Giấy phép quá cảnh đối với mặt hàng gỗ các loại đã qua xử lý	2020
II. BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI		
1	Thủ tục cho tàu biển nhập cảnh tại cảng thủy nội địa sau đó chuyển vào/rời tới cảng biển, cảng thủy nội địa khác tại Việt Nam	2020
III. BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN		
1	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật nhập khẩu, kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm hàng hóa có nguồn gốc thực vật nhập khẩu, kiểm tra nhà nước về chất lượng thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản có nguồn gốc thực vật nhập khẩu	2019 - 2020
2	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn nhập khẩu; kiểm tra xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản có nguồn gốc động vật nhập khẩu	2019 - 2020
3	Đăng ký kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn nhập khẩu; đăng ký kiểm tra xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản có nguồn gốc động vật nhập khẩu	2019 - 2020
4	Kiểm tra nhà nước về chất lượng thuốc bảo vệ thực vật nhập khẩu	2020
5	Kiểm tra nhà nước về chất lượng phân bón nhập khẩu	2020

6	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm có nguồn gốc thực vật xuất khẩu	2020
7	Đăng ký kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển cửa khẩu, kho ngoại quan, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam	2020
8	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển cửa khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam	2020
9	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu không dùng làm thực phẩm.	2020
10	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản nhập, xuất kho ngoại quan	2020
11	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn nhập, xuất kho ngoại quan	2020
12	Khai báo trước khi cập cảng đối với tàu vận chuyển thủy sản, sản phẩm thủy sản có nguồn gốc từ khai thác để nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu, quá cảnh qua lãnh thổ Việt Nam	2020
IV. BỘ QUỐC PHÒNG		
1	Thủ tục biên phòng điện tử cửa khẩu biên giới đất liền đối với Đoàn khách du lịch, Đoàn khách công vụ xuất cảnh, nhập cảnh	2020
2	Thủ tục biên phòng điện tử cửa khẩu biên giới đất liền đối với người điều khiển, người đi trên phương tiện, phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh	2020

3	Thủ tục biên phòng điện tử cửa khẩu biên giới đất liền đối với công dân Việt Nam xuất cảnh, nhập cảnh	2020
4	Thủ tục sửa đổi, bổ sung hồ sơ biên phòng điện tử cửa khẩu biên giới đất liền	2020
5	Thủ tục biên phòng điện tử trong cấp thị thực tại cửa khẩu biên giới đất liền và cảng biển	2020
6	Thủ tục sửa đổi, bổ sung hồ sơ biên phòng điện tử đối với người nhận thị thực tại cửa khẩu	2020
V. BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG		
1	Thu hồi Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu	2020
2	Kiểm tra, giám định chất lượng và thông quan phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất	2020
3	Đề nghị/chấp thuận miễn kiểm tra chất lượng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất	2020
VI. BỘ Y TẾ		
1	Cấp mới số lưu hành đối với trang thiết bị y tế là phương tiện đo nhưng không phải phê duyệt mẫu theo quy định của pháp luật về đo lường	2020
2	Cấp nhanh số lưu hành đối với trang thiết bị y tế	2020
3	Cấp giấy phép nhập khẩu trang thiết bị y tế	2020
4	Cấp giấy phép nhập khẩu trang thiết bị y tế có chứa chất ma túy và tiền chất	2020

5	Cấp giấy phép nhập khẩu nguyên liệu sản xuất trang thiết bị y tế có chứa chất ma túy và tiền chất	2020
6	Cấp giấy phép xuất khẩu trang thiết bị y tế có chứa chất ma túy và tiền chất, nguyên liệu sản xuất trang thiết bị y tế có chất ma túy và tiền chất	2020
7	Tiếp tục cho lưu hành trang thiết bị y tế trong trường hợp chủ sở hữu trang thiết bị y tế không tiếp tục sản xuất hoặc phá sản, giải thể	2020
8	Cấp mới số lưu hành đối với trang thiết bị y tế đã có quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng	2020
9	Cấp mới số lưu hành đối với trang thiết bị y tế là phương tiện đo phải phê duyệt mẫu theo quy định của pháp luật về đo lường	2020
10	Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với sản phẩm thực phẩm xuất khẩu thuộc quyền quản lý của Bộ Y tế	2020
11	Cấp giấy chứng nhận y tế (HC) đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm	2020
12	Cấp giấy đăng ký lưu hành thuốc cổ truyền nhập khẩu miễn thử lâm sàng hoặc miễn một số giai đoạn thử thuốc trên lâm sàng	2020
13	Đề nghị tái xuất thuốc cổ truyền bị thu hồi	2020
14	Cho phép nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc có hạn dùng còn lại tại thời điểm thông quan ngắn hơn quy định	2020
15	Cấp phép xuất khẩu dược liệu thuộc danh mục loài, chủng loại dược liệu quý, hiếm, đặc hữu phải kiểm soát	2020
VII. BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI		
1	Kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa (nhóm 2) nhập khẩu	2020 - 2021

III. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯA RA KHỎI QUYẾT ĐỊNH SỐ 1254/QĐ-TTg

STT	Tên thủ tục hành chính đưa ra khỏi Quyết định số 1254/QĐ-TTg	Thời gian thực hiện tại Quyết định số 1254/QĐ-TTg
I. BỘ CÔNG THƯƠNG		
1	Thủ tục đề nghị cấp văn bản chấp thuận tham gia thí điểm tự chứng nhận xuất xứ trong ASEAN	12/2018
II. BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN		
1	Cấp phép xuất khẩu giống cây trồng nông nghiệp	12/2018
2	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật quá cảnh	12/2018
3	Cấp phép xuất khẩu nguồn gen cây trồng	2019
4	Cấp phép nhập khẩu nguồn gen cây trồng	2019
III. BỘ QUỐC PHÒNG		
1	Thủ tục cấp, tạm dừng và hủy tài khoản truy cập Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử cảng biển đối với người làm thủ tục	12/2018
2	Thủ tục biên phòng điện tử đối với tàu biển Việt Nam hoạt động tuyến nội địa đến cửa khẩu cảng	2019
3	Thủ tục biên phòng điện tử đối với tàu biển Việt Nam hoạt động tuyến nội địa rời cửa khẩu cảng	2019

4	Thủ tục biên phòng điện tử trong việc cấp thị thực cho nhân viên phương tiện, hành khách tại các cửa khẩu	2019
5	Thủ tục biên phòng điện tử đối với công dân Việt Nam, Trung Quốc nhập cảnh, xuất cảnh tại các cửa khẩu biên giới đất liền Việt Nam - Trung Quốc	2019
6	Thủ tục biên phòng điện tử đối với công dân Việt Nam, Lào nhập cảnh, xuất cảnh tại các cửa khẩu biên giới đất liền Việt Nam - Lào	2019
7	Thủ tục biên phòng điện tử đối với công dân Việt Nam, Campuchia nhập cảnh, xuất cảnh tại các cửa khẩu biên giới đất liền Việt Nam - Campuchia	2019
8	Thủ tục biên phòng điện tử đối với người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh tại cửa khẩu quốc tế biên giới đất liền	2019
9	Thủ tục biên phòng điện tử đối với phương tiện nhập cảnh, xuất cảnh tại cửa khẩu biên giới đất liền tuyến Việt Nam - Trung Quốc	2019
10	Thủ tục biên phòng điện tử đối với phương tiện nhập cảnh, xuất cảnh tại cửa khẩu biên giới đất liền tuyến Việt Nam - Lào	2019
11	Thủ tục biên phòng điện tử đối với phương tiện nhập cảnh, xuất cảnh tại cửa khẩu biên giới đất liền tuyến Việt Nam - Campuchia	2019
12	Thủ tục biên phòng điện tử đối với phương tiện nhập cảnh, xuất cảnh theo đoàn du lịch bằng xe tự lái (du lịch Caraval) tại cửa khẩu biên giới đất liền tuyến Việt Nam - Trung Quốc	2019
13	Thủ tục biên phòng điện tử đối với phương tiện nhập cảnh, xuất cảnh theo đoàn du lịch bằng xe tự lái (du lịch Caraval) tại cửa khẩu biên giới đất liền tuyến Việt Nam - Lào	2019

14	Thủ tục biên phòng điện tử đối với phương tiện nhập cảnh, xuất cảnh theo đoàn du lịch bằng xe tự lái (du lịch Caraval) tại cửa khẩu biên giới đất liền tuyến Việt Nam - Campuchia	2019
IV. BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG		
1	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất cho tổ chức, cá nhân nhận ủy thác nhập khẩu cho tổ chức, cá nhân sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất	Quý III/2018
2	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất cho tổ chức, cá nhân nhận ủy thác nhập khẩu cho tổ chức, cá nhân sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất (trong trường hợp giấy xác nhận hết hạn)	Quý III/2018
3	Chấp thuận nhập khẩu mẫu phế liệu không thuộc Danh mục phế liệu được phép nhập khẩu để phân tích	Quý III/2018
4	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất cho tổ chức, cá nhân trực tiếp sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất - cấp tỉnh	Tháng 12/2018
5	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất cho tổ chức, cá nhân trực tiếp sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất (trường hợp Giấy xác nhận hết hạn) - cấp tỉnh	Tháng 12/2018
6	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất cho tổ chức, cá nhân trực tiếp sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất (trường hợp Giấy xác nhận bị mất hoặc hư hỏng) - cấp tỉnh	Tháng 12/2018
7	Thông báo về lô hàng phế liệu nhập khẩu	Quý III/2018

8	Cho phép vận chuyển quá cảnh sinh vật biến đổi gen, sản phẩm sinh vật biến đổi gen chưa được cấp Giấy chứng nhận an toàn sinh học, Giấy xác nhận sinh vật biến đổi gen đủ điều kiện sử dụng làm thực phẩm, thức ăn chăn nuôi và sản phẩm của sinh vật biến đổi gen phải bốc dỡ xuống cảng.	2018 - 2020
V. BỘ CÔNG AN		
1	Cấp giấy phép mang vũ khí, công cụ hỗ trợ vào lãnh thổ Việt Nam tại Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an	2019 - 2020
2	Cấp giấy phép mang vũ khí, công cụ hỗ trợ ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an	2019 - 2020
VI. BỘ Y TẾ		
1	Cấp giấy phép nhập khẩu thuốc có hiệu quả vượt trội trong điều trị so với thuốc đang lưu hành tại Việt Nam hoặc chưa có thuốc khác thay thế, đã được lưu hành tại nước sản xuất hoặc nước tham chiếu là nước thành viên ICH hoặc Australia, có đầy đủ dữ liệu lâm sàng về an toàn, hiệu quả theo quy định về đăng ký thuốc của Bộ trưởng Bộ Y tế và được Hội đồng tư vấn cấp Giấy đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc đề xuất sử dụng	2019 - 2020
VII. NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM		
1	Thủ tục đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu đối với doanh nghiệp hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ	2019 - 2020
2	Thủ tục đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu đối với doanh nghiệp đầu tư ra nước ngoài trong lĩnh vực khai thác vàng	2019 - 2020

3	Thủ tục đề nghị cấp Giấy phép xuất khẩu vàng nguyên liệu đối với doanh nghiệp có Giấy phép khai thác vàng tại Việt Nam	2019 - 2020
VIII. BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH		
1	Nhập khẩu Tác phẩm điện ảnh	2018 - 2019
2	Nhập khẩu Tác phẩm mỹ thuật; tác phẩm nhiếp ảnh	2018 - 2019
3	Nhập khẩu sản phẩm nghe nhìn khác (không phải là Tác phẩm điện ảnh; Tác phẩm nghệ thuật biểu diễn: Bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc sân khấu có các loại hình nghệ thuật biểu diễn thời trang, người đẹp, thể thao)	2018 - 2019
4	Nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh	2018 - 2019
5	Xuất khẩu di vật, cổ vật	2018 - 2019



Phụ lục II
DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT VỀ QUẢN LÝ,
KIỂM TRA CHUYÊN NGÀNH PHẢI SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
(Kèm theo Quyết định số 1258 /QĐ-TTg ngày 17 tháng 8 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên VB	Trích yếu	Nội dung vướng mắc	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thời hạn hoàn thành	Ghi chú
I. BỘ CÔNG THƯƠNG						
1	- Quyết định số 24/2018/QĐ-TTg ngày 28/5/2018; - Quyết định số 04/2017/QĐ-TTg ngày 09/3/2017	Kiểm tra hiệu suất năng lượng tối thiểu	1. Hiện nay, hàng hóa phải kiểm tra hiệu suất năng lượng tối thiểu thực hiện theo quy định tại Quyết định số 24/2018/QĐ-TTg ngày 28/5/2018 và Quyết định số 04/2017/QĐ-TTg ngày 09/3/2017 của Thủ tướng Chính phủ. Tại điểm d khoản 1 Mục III Nghị quyết số 19-2016/NQ-CP ngày 28/4/2016 của Chính phủ chỉ đạo rõ “chuyên thời điểm kiểm tra chuyên ngành, kiểm tra chất lượng hàng hóa, hiệu suất năng lượng, an toàn thực phẩm trong giai đoạn thông quan sang kiểm tra sau khi hàng hóa đã được thông quan (trừ kiểm dịch đối với trường hợp mặt hàng nhập khẩu có nguy cơ cao theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)”. Theo chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 19-2016/NQ-CP, Bộ Công Thương đã phối hợp với Bộ Tài chính thống nhất chuyển thời điểm kiểm tra hiệu suất năng lượng thực hiện sau thông quan, tuy nhiên vẫn quy định doanh nghiệp nhập khẩu hàng hóa thuộc danh mục kiểm tra hiệu suất năng lượng nộp chứng từ kiểm tra, giám định về hiệu suất năng lượng khi làm thủ tục thông quan.	Bộ Công Thương tham mưu trình cấp có thẩm quyền hoặc ban hành văn bản pháp luật theo hướng: 1. Quy định việc kiểm tra hiệu suất năng lượng thực hiện sau thông quan và trước khi hàng hóa lưu thông trên thị trường. Không yêu cầu doanh nghiệp phải nộp chứng từ liên quan đến kiểm tra, giám định về hiệu suất năng lượng, kể cả bản đăng ký kiểm tra hiệu suất năng lượng có xác nhận của cơ quan chức năng do Bộ Công Thương chỉ định cho cơ quan hải quan. 2. Bổ sung thêm các đối tượng hàng hóa được miễn kiểm tra hiệu suất năng lượng tối thiểu.	Quý III/2020	Văn bản đã được giao sửa đổi tại Quyết định số 1254/QĐ-TTg

STT	Tên VB	Trích yếu	Nội dung vướng mắc	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thời hạn hoàn thành	Ghi chú
			Việc doanh nghiệp nộp chứng từ kiểm tra, giám định về hiệu suất năng lượng là không cần thiết, làm phát sinh thủ tục chuyên ngành trong quá trình nhập khẩu hàng hóa. 2. Chưa có văn bản pháp quy nào quy định trình tự thủ tục thực hiện (hồ sơ, cơ quan kiểm tra...) việc kiểm tra hiệu suất năng lượng tối thiểu đối với các mặt hàng phải kiểm tra hiệu suất năng lượng tại Quyết định số 24/2018/QĐ-TTg và 04/2017/QĐ-TTg. Đồng thời, chưa có quy định về việc doanh nghiệp phải nộp chứng từ gì cho cơ quan hải quan khi làm thủ tục nhập khẩu đối với các mặt hàng phải kiểm tra hiệu suất năng lượng tối thiểu. 3. Hiện nay, đối tượng được miễn kiểm tra hiệu suất năng lượng tối thiểu được quy định tại khoản 2 Điều 1 Quyết định số 24/2018/QĐ-TTg bao gồm phương tiện, thiết bị tạm nhập, tái xuất, phục vụ sửa chữa thay thế, kiểm tra mức hiệu suất năng lượng. Tuy nhiên, một số trường hợp khác như hàng hóa gia công... không sử dụng tại Việt Nam thì không cần phải kiểm tra hiệu suất năng lượng.			
II. BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN						
1	Thông tư số 15/2018/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2018	Ban hành bảng mã số HS đối với Danh mục hàng hóa	1. Theo quy định tại điểm 1 Phần X Phụ lục III Nghị định số 15/2018/NĐ-CP thì mặt hàng “gia vị đơn chất, gia vị có nguồn gốc động vật, thực vật” thuộc danh mục các sản phẩm/ nhóm sản phẩm thực phẩm; hàng hóa thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Theo Phụ lục II bảng mã số HS đối với danh mục hàng hóa thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành kèm theo	1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn rà soát lại Danh mục hàng hóa phải kiểm tra an toàn thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý để đảm bảo thống nhất theo quy định tại Nghị định số 15/2018/NĐ-CP và làm cơ sở để thực hiện.	Quý III/2020	Bổ sung

STT	Tên VB	Trích yếu	Nội dung vướng mắc	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thời hạn hoàn thành	Ghi chú
		thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Thông tư số 15/2018/TT-BNNPTNT thì không có nhóm mặt hàng gia vị hỗn hợp và bột canh hỗn hợp (mã số HS 21039021 và 21039029). 2. Thông tư số 15/2018/TT-BNNPTNT ban hành Bảng mã HS đối với 27 Danh mục hàng hóa thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nhưng không quy định chính sách quản lý đối với các Danh mục hàng hóa này, ngoài ra có Danh mục chưa có văn bản quy định chính sách quản lý như Danh mục về lĩnh vực thủy sản tại Mục 27 Phụ lục I.	2. Dẫn chiếu văn bản quy định về chính sách quản lý, kiểm tra chuyên ngành tương ứng đối với từng danh mục hàng hóa để thuận lợi cho cơ quan hải quan và doanh nghiệp thực hiện.		
2	Thông tư số 14/2018/TT-BNNPTNT	Ban hành Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Tại Thông tư số 14/2018/TT-BNNPTNT quy định phương thức kiểm tra chất lượng đối với giống cây trồng theo Thông tư số 46/2015/TT-BNNPTNT. Tuy nhiên Thông tư số 46/2015/TT-BNNPTNT quy định khi nhập khẩu, doanh nghiệp phải nộp bản Công bố hợp quy cho cơ quan hải quan. Quy định này là chưa phù với Nghị định số 74/2018/NĐ-CP (nộp bản Đăng ký có xác nhận của cơ quan kiểm tra hoặc Thông báo kết quả kiểm tra chất lượng cho cơ quan hải quan). Ngoài ra, tại Thông tư số 14/2018/TT-BNNPTNT quy định các nhóm hàng hóa phải kiểm tra chất lượng trước và sau thông quan nhưng không quy định cụ thể biện pháp công bố hợp quy theo Nghị định số 74/2018/NĐ-CP.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi Thông tư số 14/2018/TT-BNNPTNT theo hướng quy định phù hợp với Nghị định số 74/2018/NĐ-CP.	Quý III/2020	Bổ sung

STT	Tên VB	Trích yếu	Nội dung vướng mắc	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thời hạn hoàn thành	Ghi chú
3	Thông tư số 36/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản.	Theo quy định tại Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ thì mặt hàng động vật, sản phẩm động vật trên cạn, sản phẩm động vật thủy sản thuộc đối tượng kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm và cũng thuộc đối tượng phải kiểm dịch. Trước đây, đối với những mặt hàng là động vật, sản phẩm động vật trên cạn, sản phẩm động vật thủy sản thuộc đối tượng kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm và kiểm dịch, cơ quan hải quan căn cứ kết quả kiểm tra ghi trên Giấy chứng nhận kiểm dịch và vệ sinh an toàn thực phẩm động vật, sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu dùng làm thực phẩm theo Mẫu số 11TS ban hành kèm theo Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để giải quyết thủ tục thông quan hàng hóa theo quy định. Tuy nhiên, theo quy định tại Thông tư số 36/2018/TT-BNNPTNT thì Mẫu số 11TS - Giấy chứng nhận kiểm dịch và vệ sinh an toàn thực phẩm động vật, sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu dùng làm thực phẩm đã được thay thế bằng Mẫu số 10TS - Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu; Mẫu số 10TS này không có nội dung chứng nhận về vệ sinh an toàn thực phẩm. Do vậy, thiếu căn cứ để cơ quan hải quan giải quyết thông quan hàng hóa cho doanh nghiệp. Để tạm thời xử lý vướng mắc tại Thông tư số 36/2018/TT-BNNPTNT dẫn trên, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có công văn số 3581/BNN-QLCL23/5/2019 hướng dẫn: Cho phép thông quan đối với các lô hàng đã được cấp Giấy chứng nhận kiểm	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đưa hướng dẫn tại công văn số 3581/BNN-QLCL vào văn bản pháp quy để đảm bảo có cơ sở thực hiện.	Quý III/2020	Bổ sung

STT	Tên VB	Trích yếu	Nội dung vướng mắc	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thời hạn hoàn thành	Ghi chú
			dịch.			
III. BỘ Y TẾ						
1	Nghị định số 36/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 169/2018/NĐ-CP)	Về quản lý trang thiết bị y tế	Tại Nghị định số 36/2016/NĐ-CP chưa có quy định các chứng từ phải nộp cho cơ quan hải quan khi làm thủ tục nhập khẩu trang thiết bị y tế đối với từng loại A, B, C, D. Hiện nay, các chứng từ phải nộp cho cơ quan hải quan đối với trang thiết bị y tế nhập khẩu chỉ được hướng dẫn tại các công văn của Bộ Y tế (ví dụ: 5464/ BYT-TTB-CT ngày 26/9/2017, 7310/ BYT-TTB-CT ngày 30/11/2018, 14/BYT-TTB-CT ngày 02/01/2019).	Bộ Y tế nghiên cứu, trình Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 36/2016/NĐ-CP theo hướng quy định rõ các chứng từ phải nộp cho cơ quan hải quan khi làm thủ tục nhập khẩu trang thiết bị y tế đối với từng loại A, B, C, D để làm cơ sở cho cơ quan hải quan và doanh nghiệp thực hiện.	Quý IV/2020	Bổ sung
IV. BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ						
1	Nghị định số 74/2018/NĐ-CP	Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy	1. Theo Nghị định số 74/2018/NĐ-CP thì chỉ nguyên liệu nhập khẩu để gia công, sản xuất hàng xuất khẩu được miễn kiểm tra chất lượng. Như vậy, hàng nhập khẩu là nguyên liệu để sản xuất hàng tiêu thụ nội địa không được miễn kiểm tra chất lượng. Quy định như vậy là chưa phù hợp do hàng hóa hoàn chỉnh khi đưa ra lưu thông đã phải kiểm tra chất lượng nên nguyên liệu để sản xuất không cần phải kiểm tra. 2. Tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 7 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP) quy định đối với trường hợp sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu, việc kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa được thực hiện	Bộ Khoa học và Công nghệ nghiên cứu, trình Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 74/2018/NĐ-CP theo hướng: 1. Bổ sung quy định miễn kiểm tra chất lượng đối với hàng nhập khẩu là nguyên liệu để sản xuất hàng tiêu thụ nội địa. 2. Nghiên cứu cơ chế quản lý phù hợp, không yêu cầu doanh nghiệp phải nộp bản đăng ký kiểm tra có xác nhận của cơ quan kiểm tra để thông quan hàng hóa. 3. Quy định cụ thể về hàng không	Quý III/2020	Nội dung 1, 2 đã được giao tại Quyết định số 1254/QĐ-TTg

STT	Tên VB	Trích yếu	Nội dung vướng mắc	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thời hạn hoàn thành	Ghi chú
		định chi Tiết thi hành một số điều Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa	dựa trên kết quả tự đánh giá sự phù hợp của tổ chức, cá nhân hoặc dựa trên kết quả chứng nhận, giám định của tổ chức chứng nhận, tổ chức giám định đã đăng ký hoặc được thừa nhận theo quy định của pháp luật, người nhập khẩu nộp bản đăng ký có xác nhận của cơ quan kiểm tra cho cơ quan hải quan để được phép thông quan hàng hóa. Việc quy định doanh nghiệp phải nộp đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu có xác nhận của cơ quan kiểm tra chất lượng làm phát sinh thủ tục kiểm tra chuyên ngành không cần thiết tại khâu thông quan hàng hóa. 3. Khoản 7 Điều 1 quy định các trường hợp miễn kiểm tra chất lượng, trong đó bao gồm hàng không nhằm mục đích kinh doanh (loại hình phi mậu dịch). Tuy nhiên hiện nay không rõ quy định hàng không nhằm mục đích kinh doanh bao gồm những mục đích gì và loại hình phi mậu dịch là loại hình gì, dẫn đến vướng mắc khi thực hiện thủ tục hải quan đối với các hàng hóa này.	nhằm mục đích kinh doanh bao gồm những mục đích gì và giải thích loại hình phi mậu dịch.		
2	Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19/10/2012 của Chính phủ (Thông tư số 28/2013/TT-BKHCN ngày 17/12/2013 hướng dẫn chi tiết)	Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đo lường	Theo quy định thì phương tiện đo nhóm 2 phải phê duyệt mẫu trước thông quan. Tuy nhiên, thời gian phê duyệt mẫu thường kéo dài hơn 30 ngày, thậm chí lên 60 - 90 ngày, làm kéo dài thời gian thông quan hàng hóa. Ngoài ra, việc kiểm tra tại khâu thông quan là không cần thiết vì tại thời điểm làm thủ tục thông quan, hàng hóa chưa được sử dụng ngay nên chưa ảnh hưởng ngay đến sức khỏe, an toàn lao động...	Bộ Khoa học và Công nghệ nghiên cứu, trình Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 86/2012/NĐ-CP và văn bản hướng dẫn theo hướng: Chuyển việc phê duyệt mẫu đối với phương tiện đo nhóm 2 thực hiện sau thông quan (trước khi đưa vào sản xuất, lưu thông tại thị trường nội địa) nhằm giảm thời gian thông quan hàng.	Quý IV/2020	Bổ sung

STT	Tên VB	Trích yếu	Nội dung vướng mắc	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thời hạn hoàn thành	Ghi chú
V. BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI						
1	Thông tư số 41/2018/TT-BGTVT ngày 30/7/2018	Quy định Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Giao thông vận tải	Quy định hàng hóa kiểm tra trước và hàng hóa kiểm tra sau thông quan nhưng không quy định cụ thể biện pháp công bố hợp quy theo Nghị định số 74/2018/NĐ-CP. Do vậy, không xác định được có phải nộp Đăng ký có xác nhận cho cơ quan hải quan hay không đối với hàng hóa kiểm tra sau thông quan?	Quy định cụ thể biện pháp công bố hợp quy theo Nghị định số 74/2018/NĐ-CP.	Quý III/2020	Bổ sung
VI. BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG						
1	Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 22/6/2014		Khoản 12 Điều 3 Luật Bảo vệ môi trường định nghĩa: “Chất thải là vật chất được thải ra từ sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, sinh hoạt hoặc hoạt động khác”. Tại khoản 16 Điều 3 Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 22/6/2014 định nghĩa: “Phế liệu là vật liệu được thu hồi, phân loại, lựa chọn từ những vật liệu, sản phẩm đã bị loại bỏ từ quá trình sản xuất hoặc tiêu dùng để sử dụng làm nguyên liệu cho một quá trình sản xuất khác”.	Bộ Tài nguyên và Môi trường nghiên cứu, trình Chính phủ báo cáo Quốc hội sửa đổi Luật Bảo vệ môi trường theo hướng định nghĩa rõ ràng, cụ thể về “chất thải” và “phế liệu” để làm cơ sở phân biệt, áp dụng chính sách quản lý phù hợp.	Quý III/2020	Bổ sung

STT	Tên VB	Trích yếu	Nội dung vướng mắc	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thời hạn hoàn thành	Ghi chú
			Định nghĩa về chất thải và phế liệu nêu trên là tương đối giống nhau nên có một số hàng hóa đã qua sử dụng nhập khẩu cơ quan hải quan gặp khó khăn trong việc xác định là chất thải hay phế liệu. Hơn nữa, hiện nay không có tiêu chuẩn kỹ thuật cụ thể đối với chất thải và phế liệu dẫn đến khó khăn cho các cơ quan hải quan trong việc xác định một số hàng hóa nhập khẩu là phế liệu hay là chất thải để áp dụng chính sách quản lý phù hợp. Trường hợp xác định hàng hóa nhập khẩu là chất thải thì thuộc diện hàng hóa cấm nhập khẩu vào Việt Nam theo quy định tại khoản 9 Điều 7 Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 22/6/2014.			
VII. BỘ QUỐC PHÒNG						
1	Nghị định số 36/2008/NĐ-CP ngày 08/3/2008	Về việc quản lý tàu bay không người lái và các phương tiện bay siêu nhẹ	Tại Nghị định số 36/2008/NĐ-CP quy định mặt hàng tàu bay không người lái và các phương tiện bay siêu nhẹ xuất khẩu, nhập khẩu phải có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền. Tuy nhiên, chưa quy định cụ thể thủ tục cấp phép, cơ quan có thẩm quyền cấp phép xuất khẩu, nhập khẩu mặt hàng tàu bay không người lái và các phương tiện bay siêu nhẹ.	Bộ Quốc phòng trình Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 36/2008/NĐ-CP theo hướng: Quy định cụ thể thủ tục cấp phép và cơ quan có thẩm quyền cấp phép xuất khẩu, nhập khẩu mặt hàng tàu bay không người lái và các phương tiện bay siêu nhẹ.	Quý III/2020	Văn bản đã được giao sửa đổi tại Quyết định số 1254/QĐ-TTg
VIII. BỘ CÔNG AN						
1	Thông tư số 08/2019/TT-BCA ngày 26/3/2019	Ban hành Danh mục	1. Hiện nay chưa có văn bản quy định quy trình, thủ tục, cơ quan kiểm tra đối với danh mục hàng hóa nhóm 2 thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công an.	Bộ Công an sửa đổi, bổ sung Thông tư số 08/2019/TT-BCA theo hướng:	Quý III/2020	Bổ sung

STT	Tên VB	Trích yếu	Nội dung vướng mắc	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Thời hạn hoàn thành	Ghi chú
		sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công an	2. Tại Thông tư quy định biện pháp quản lý đối với danh mục hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu là không thực hiện kiểm tra trước thông quan, không quy định biện pháp công bố hợp theo Nghị định số 74/2018/NĐ-CP nên không xác định được doanh nghiệp phải nộp chứng từ gì cho cơ quan hải quan khi làm thủ tục nhập khẩu hàng hóa.	1. Quy định cụ thể trình tự, thủ tục, cơ quan kiểm tra. 2. Quy định biện pháp công bố hợp quy đối với danh mục hàng hóa nhóm 2 thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công an theo Nghị định số 74/2018/NĐ-CP.		

IX. BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

1	Thông tư số 22/2018/TT-BLĐTBXH ngày 06/12/2018	Quy định Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	1. Tại Thông tư số 22/2018/TT-BLĐTBXH quy định hàng hóa nhóm 2 kiểm tra chất lượng trước và sau thông quan nhưng không quy định cụ thể biện pháp công bố hợp quy theo Nghị định số 74/2018/NĐ-CP. Do vậy, không xác định được có phải nộp Đăng ký có xác nhận cho cơ quan hải quan hay không đối với hàng hóa kiểm tra sau thông quan. 2. Sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội không cần kiểm tra an toàn lao động/chất lượng trước khâu thông quan do không ảnh hưởng ngay đến sức khỏe, an toàn của con người tại thời điểm làm thủ tục thông quan hàng hóa.	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung Thông tư số 22/2018/TT-BLĐTBXH theo hướng: 1. Quy định cụ thể biện pháp công bố hợp quy theo Nghị định số 74/2018/NĐ-CP đối với từng hàng hóa nhóm 2. 2. Rà soát lại danh mục hàng hóa nhóm 2 để chuyển việc kiểm tra chất lượng từ trước ra sau thông quan.	Quý III/2020	Bổ sung
---	--	---	--	---	--------------	---------



Phụ lục III

**NHÓM HÀNG HÓA CÁC BỘ, NGÀNH PHẢI BAN HÀNH QUY CHUẨN,
TIÊU CHUẨN KIỂM TRA CHUYÊN NGÀNH**

(Kèm theo Quyết định số 12.58/QĐ-TTg ngày 17 tháng 8 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Bộ, ngành	Tổng số nhóm hàng hóa	Quy chuẩn, tiêu chuẩn					Tên nhóm hàng phải ban hành quy chuẩn, tiêu chuẩn
			Tổng số nhóm hàng đã ban hành quy chuẩn, tiêu chuẩn	Tổng số nhóm hàng chưa ban hành quy chuẩn, tiêu chuẩn	Quy chuẩn, tiêu chuẩn nhóm hàng phải kiểm tra trước thông quan			
					Phải ban hành	Đã ban hành	Chưa ban hành	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
I	Theo Luật An toàn thực phẩm							
1	Bộ Công Thương	8	7	1	8	7	1	Dụng cụ vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm trong quá trình sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý
2	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	-	-	-	-	-	-	Báo cáo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chưa cụ thể, đầy đủ nên không thống kê được

II Theo Luật Chất lượng năm 2007								
	Bộ Y tế	6	4	2	6	4	2	- Thiết bị y học cổ truyền - Phương tiện tránh thai
III Theo Luật Bảo vệ môi trường								
	Bộ Tài nguyên và Môi trường	36	18	18	36	18	18	- Thạch cao. - Xi hạt nhỏ (xi cát) từ công nghiệp luyện sắt hoặc thép. - Các nguyên tố hóa học đã được kích tạp dùng trong điện tử, ở dạng đĩa, tấm mỏng, hoặc các dạng tương tự. - Tơ tầm phế liệu (kể cả kén không thích hợp để quay tơ, xơ sợi phế liệu và xơ sợi tái chế). - Thủy tinh vụn và thủy tinh phế liệu và mảnh vụn khác; thủy tinh ở dạng khối. - Đồng phế liệu và mảnh vụn. - Niken phế liệu và mảnh vụn. - Nhôm phế liệu và mảnh vụn. - Kẽm phế liệu và mảnh vụn. - Thiếc phế liệu và mảnh vụn. - Vonfram phế liệu và mảnh vụn. - Molypden phế liệu và mảnh vụn. - Magie phế liệu và mảnh vụn. - Titan phế liệu và mảnh vụn. - Zircon phế liệu và mảnh vụn. - Antimon phế liệu và mảnh vụn. - Mangan phế liệu và mảnh vụn. - Crom phế liệu và mảnh vụn.

IV Theo Luật Thú y								
1	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	40	39	1	40	39	1	Sản phẩm động vật thủy sản: Phôi, trứng, tinh trùng và ấu trùng các loại thủy sản
	Tổng	90	68	22	90	68	22	Số liệu tổng chưa bao gồm các mặt hàng thuộc diện kiểm tra an toàn thực phẩm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn



Phụ lục IV

**DANH MỤC HÀNG HÓA XUẤT NHẬP KHẨU THUỘC ĐIỆN QUẢN LÝ, KIỂM TRA
CHUYÊN NGÀNH PHẢI BAN HÀNH KÈM THEO MÃ HS**

(Kèm theo Quyết định số 1258 /QĐ-TTg ngày 17 tháng 8 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

Bộ, ngành	Danh mục hàng hóa phải ban hành				Văn bản quy định chính sách quản lý	Ghi chú
	STT	Tên/Danh mục hàng hóa	Chưa ban hành chi tiết Danh mục hàng hóa (*)	Chưa ban hành Mã số HS		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bộ Y tế	1	Dược liệu thuộc danh mục loài, chủng loại dược liệu quý, hiếm, đặc hữu phải kiểm soát		X	- Luật Dược (Điều 32, 36); - Nghị định số 54/2017/NĐ-CP (Điều 57, 58, 59; Điều 63; điểm b khoản 1 Điều 92)	Đã được giao tại Quyết định số 1254/QĐ-TTg
Bộ Công an	1	Pháo hoa, thuốc pháo hoa, thiết bị, phụ kiện bắn pháo hoa	X	X	- Nghị định số 36/2009/NĐ-CP ngày 15/4/2009 (Điều 5, 6, 9) - Thông tư số 08/2010/TT-BCA ngày 05/2/2010 (Điều 8)	Đã được giao tại Quyết định số 1254/QĐ-TTg
	2	Mẫu các chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần	X	X	Thông tư số 57/2012/TT-BCA ngày 18/9/2012 (Điều 5)	Đã được giao tại Quyết định số 1254/QĐ-TTg

	3	Vũ khí thể thao, công cụ hỗ trợ		X	Thông tư số 16/2018/TT-BCA hướng dẫn Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ do Bộ trưởng Bộ Công an ban hành (Phụ lục I và II) được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 21/2019/TT-BCA	Bổ sung
	4	Các chất ma túy được dùng hạn chế trong phân tích, kiểm nghiệm, nghiên cứu khoa học, điều tra tội phạm hoặc trong lĩnh vực y tế theo quy định của cơ quan có thẩm quyền (Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 73/2018/NĐ-CP)		X	Nghị định số 73/2018/NĐ-CP quy định về danh mục chất ma túy và tiền chất	Bổ sung
	5	Các chất ma túy được dùng trong phân tích, kiểm nghiệm, nghiên cứu khoa học, điều tra tội phạm hoặc trong lĩnh vực y tế, thú y theo quy định của cơ quan có thẩm quyền (Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 73/2018/NĐ-CP)		X	Nghị định số 73/2018/NĐ-CP quy định về danh mục chất ma túy và tiền chất	Bổ sung
Bộ Khoa học và Công nghệ	1	Chất phóng xạ, vật liệu hạt nhân nguồn, vật liệu hạt nhân, thiết bị hạt nhân	X	X	- Luật Năng lượng nguyên tử 18/2008/QH12 ngày 03/6/2008 (Điều 65, 66, 67); - Thông tư số 08/2010/TT-BKHCN ngày 22/7/2010 (Điều 16, 17).	Đã được giao tại Quyết định số 1254/QĐ-TTg

Bộ Quốc phòng	1	Tàu bay không người lái và các phương tiện bay siêu nhẹ	X	X	- Nghị định số 36/2008/NĐ-CP ngày 28/3/2008 (Điều 4); - Nghị định hợp nhất số 12/NĐHN-BQP ngày 25/7/2013	Đã được giao tại Quyết định số 1254/QĐ-TTg
Bộ Công Thương	1	Các chất làm suy giảm tầng ô-dôn Phụ lục I Thông tư số 47/2011/TTLT-BCT-BTNMT		X	Thông tư số 47/2011/TTLT-BCT-BTNMT ngày 30/12/2011 (điểm d khoản 3 Điều 2, khoản 2 Điều 6)	Đã được giao tại Quyết định số 1254/QĐ-TTg
Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1	Danh mục loại thủy sản được phép kinh doanh tại Việt Nam		X	Phụ lục VIII Nghị định số 26/2019/NĐ-CP	Bổ sung
	2	Danh mục các loài thủy sản cấm xuất khẩu		X	Phụ lục IX Nghị định số 26/2019/NĐ-CP	Bổ sung
	3	Danh mục các loài thủy sản xuất khẩu có điều kiện		X	Phụ lục X Nghị định số 26/2019/NĐ-CP	Bổ sung
Tổng	13					

Ghi chú: (*) là hàng hóa được quy định chính sách quản lý tại các văn bản nêu ở cột số (6) nhưng chưa được các bộ, ngành xây dựng chi tiết Danh mục hàng hóa cụ thể.